

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *

BÁO QUÁN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



HỒ TƯ'ÔNG ĐÔNG-NAI

Số báo này ra nhằm ngày trùng-cửu (mùng 9 tháng 9 theo âm-lịch), là ngày giỗ cụ « Kiên-Xương Quận-công Nguyễn Huỳnh-Đức ».

Cụ sinh tại giồng Cánh-Én nay thuộc làng Khết-khau, trong tỉnh Tân-an. Cụ có công phò chúa Nguyễn-Anh trung hưng, rồi đời vua Gia-Long; tiếp giúp nhà vua đưa sang bờ cõi. Cụ đã có lãnh chức « Khám-sai Chương Hữu-quân, Bình-lấy Tướng-quân », sau chuyển qua chức « Khám-sai chương Tiên-quân ». Cụ hai lần cầm quyền Tổng-Trấn Bắc-Thành, sau lại trở vào Nam lãnh ấn Tổng-Trấn Gia-Định. Cụ hoán tại giồng Cánh-Én, mà cũng mếu thờ đều ở tại đó.

Khi cụ hoán, vua Gia-Long năm thứ 18 tặng chức « Dực vận công thần đặt tào phụ quốc Thượng-Tướng-quân, Thượng-tu-Quốc, Thái-hộ Quận-công ».

Sau vua Minh-Mạng (năm thứ 12) lại truy tặng chức « Tả-tân công thần, đặt ấn úng-vô Tướng-quân, Tiên-quân, Đô-thống-phủ Chương phủ sự, Thái-pi-ó, Kiên Xương Quận-công ».

Sử chép cụ lúc trẻ tuổi có sức mạnh hơn cả mọi người, bởi vậy đời đó người ta thường xưng cụ là « Hồ-tướng ».

Vua Gia-Long khen cụ cao quý hơn hạng làm thường x1 lắm, mà lại biết giữ tích cung kính thận trọng.

Còn vua Minh-Mạng thì khen rằng trong đám võ-thần đương có cụ là người trí lẽ.

Xứ Đông-Nai có một danh-tôn cao quý đường ấy, tướng nên nhắc lại đây cho đoàn hậu-tân chớ cái chi oanh-liệt của tổ-tiền hồi xưa.

TIÊU-SỬ

NGUYỄN HUỲNH-ĐỨC

Cụ Nguyễn-huỳnh-Đức sanh năm mậu thìn (1748) tại giồng Cánh-Én, hồi xưa là làng Tường-khánh, tổng Hưng-nương, huyện Kiên-hưng, thuộc Định-tướng. Đến hồi Nam-kỳ thuộc Pháp; nhà nước phân Lục-lĩnh ra làm 20 hạt, thì làng Tường-khánh nhập qua tổng Hưng-long, về hạt Tân-an. Về sau làng Tường-khánh tại còn phải nhập chung lại với làng Nhơn-hậu mà thành làng Khánh-hậu bây giờ, thuộc về tỉnh Tân-an.

Cụ gốc họ « Huỳnh », vì có công lớn, vua Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế ban quốc-tánh, nên mới cải xưng họ « Nguyễn-Huỳnh ».

Tổ-Tiên cụ đều gốc ở giồng Cánh-Én.

Nội-tổ cụ, tên Huỳnh-công-Châu, làm quan hồi triều Lê, lãnh chức « Cai-đội suất thuộc binh tam thuyền » (coi ba chiếc thuyền).

Thân-phụ cụ, tên Huỳnh-công-Lương, làm quan đến chức « Cai-đội suất thuộc nội nhứt thuyền » (coi một chiếc thuyền).

Cụ Nguyễn-huỳnh-Đức trạng mạo khôi vĩ, sức mạnh hơn cả mọi người, bởi vậy người ta thường xưng cụ là « Hồ-tướng ».

Khi Tây-sơn khởi loạn, Nguyễn chúa móng trần, Đô-thanh-Nhơn chiêu tập nghĩa binh đặng chống với Tây-sơn, thì cụ Huỳnh-Đức theo làm bộ tướng cho Thanh-Nhơn cũng như Võ-Nhàn, Đỗ-Vàng và Đỗ-Bàng. Nhưng khi Đô-Thanh-Nhơn bị chúa Nguyễn-Anh tru lục, thì cụ Huỳnh-Đức một mình về đầu chúa Nguyễn.

Đến năm nhâm-dần (1782) Nguyễn-Nhạc với Nguyễn-Huệ đem hơn một trăm chiến thuyền vào cửa Cần-giờ quyết đánh lấy đất Gia-định. Chúa Nguyễn-Anh đến Lũ-Phụ hội binh đặng chống với giặc, có các cụ Huỳnh-Đức, Trần-xuân-Trạch, Nguyễn-Kiểm-Phẩm hộ giá. Đánh trận đầu binh chúa Nguyễn được thắng, rước giặc đến Trấn-định. Chúa Nguyễn mới sai cụ Huỳnh-Đức làm Tiên-phuông, cụ Tôn-thất-Cốc coi Trung-quân, rồi kéo binh đến Tư-kỳ-giang giao chiến. Bên Tây-sơn, Nguyễn-Huệ cầm binh, liệp bả thủy trận mà đánh, đại phá binh chúa Nguyễn, và đốt chết tướng suất một chiến thuyền theo giúp chúa Nguyễn.

(Coi tiếp trang 13)

VĂN-ĐỀ LẬP

HU'-VIEN VIET-NAM

NHƠN bàn về việc truyền-bá quốc-ngữ và quốc-văn, chúng tôi có khơi lên vấn-đề lập thư-viện Việt-Nam trong « N. K. » số 45, ngày 29 Juillet 1943.

Khởi lên là vì từ năm ngoài, chúng tôi đã công bố một chương-trình tạm trong tạp-chí « Tri-Tân » số 36 ngày 25 février 1942.

Liên số « Tri-Tân » sau, bạn Hoa-Bằng hưởng-ứng và đề-xướng việc lập ở các vùng ngoại-ô và thôn quê những « Duyệt-Thư, báo xã », (T. T. số 37, ngày 4 Mars 1942).

Ông Cây-Thông, trong « Tri-Tân » số 40, ngày 25 mars 1942, nói lời chúng tôi và ước-ao các nhà « Xéc » ở tỉnh sẽ « là những trụ sở phụ-thuộc của Quốc-học-viện » sau này.

Chỉ có thể thôi ! Một vấn-đề có quan-hệ đến đức-trí của dân, ảnh hưởng tới tương-lai tinh-thần của tổ-quốc, khi nêu lên, được hai tiếng dội, rồi đành chết với thời-gian !

Thế mới biết hai tiếng « công-ích » ở đất nước này còn có thể là hai tiếng « đầu môi chót lưỡi » !

Qua năm nay gặp được cơ-hội may do phong-trào cải-tạo quốc-gia gây ra, chúng tôi nhắc lại việc lập Thư-viện Việt-Nam như trên đã nói.

Và chúng tôi đã viết : « ... ai là người có tâm-chí, ai là... người giàu tiền của, xin hưởng-trưng với chúng tôi cho việc mau thành.

« Chúng tôi mong chờ đón tiếp tất cả ai ai sốt sắng với việc công-ích này.

« Ngày giờ bìn sương đã qua, ta nên bắt tay ngay vào việc. Nếu bạn đọc cho rằng việc của chúng tôi đề-xướng đáng tán-thành, xin vui lòng cho chúng tôi biết. Chúng tôi sẽ mời hội đồng-trình bày cách-thức tổ-chức phòng đọc sách quốc-ngữ (hay là thư-viện Việt-Nam) và những chi-tiết.

« Lễ tự nhiên N. K. tuần-báo sẵn sàng làm cơ-quan làm-trợ ».

(N. K. số 45, ngày 29 Juillet 1943).

Rồi cũng im bật từ đó. Chúng tôi băn-khoăn tự hỏi : « Tô N. K. tuần báo không tôi được tận tay hàng thư-giã ? Hay là chúng tôi kêu gào giữa sa-mạc ? Hoặc-giả lời nói của kẻ « vô danh tiền-cốt » này không đúng cho người trong nước để ý tới ? » Có lẽ vì duyên-cớ thứ ba. Nghi-thể, chúng tôi an-phận làm con ốc thu mình vào vỏ.

Chợt trong tuần-báo Thanh-Niên số 3, ngày 18 Septembre 1943, ông Dương-Tử-Giang bàn về Thư-viện Việt-Nam có nói đến chúng tôi. Ấu cũng là một tiếng vang !

Đã được gọi tên, không lẽ vô lễ chẳng thưa. Thôi thì thân ốc đành một phen nửa chùng r1 khỏi vỏ, để lo tròn một phận-sự nhỏ đối với quê-hương.

Có cần chăng nhắc lại những ích-lợi của Thư-viện Việt-Nam.

Ai đã từng cắp vở đến trường, ai đã từng cầm qua quyển sách thì không còn chối cãi v o đầu được sự tiện-lợi, thông-dụng và tiến-bộ của chữ quốc-ngữ. Bằng chứng là hiện nay số sách báo quốc-ngữ ra đời ngày càng thêm nhiều, mặc dầu không tránh khỏi một số ít vô giá-trị, ta phải nhìn nhận rằng có nhiều quyển sách, tập báo đáng lưu lại đời sau. Vậy ngay bây giờ không lo gom góp gìn giữ, còn chờ khi nào ? Trong thời-kỳ chữ Hán và chữ Nôm, ông cha ta đã sơ sót về công việc đó, để thất-lạc, tiêu-hủy bao nhiêu tinh-hoa của đất nước. Dầu xe xưa đã thấy rõ, ngày nay ta không lo tránh trước, sao khỏi đặc tội với lớp hậu-lai, hổ cùng em cháu. Đó là một điều lợi-ích của Thư-viện Việt-Nam.

Chữ quốc-ngữ đã tiện-lợi, thông-dụng và tiến-bộ; sách quốc-văn đã được một số khả-quan, vậy phổ-thông quốc-ngữ, truyền-bá quốc-văn là một việc làm rất hợp thời. Thư-viện Việt-Nam sẽ là một cơ-quan đặc-lực trong công việc đó.

Gay cho người dân Việt cái thú đọc sách v em báo; nâng cao trình-độ trí-thức của họ lên; làm cho họ xa lánh những cuộc vui có hại và hao tổn, cũng thuộc về phạm-vi hoạt-động của Thư-viện Việt-Nam.

Giúp những người hiếu học mà không đủ tiền mua sách, báo; cung-cấp họ những tài-liệu khó tìm, cũng là một phận-sự của Thư-viện Việt-Nam.

Thư-viện Việt-Nam hữu-ích như trên, có lẽ bực thư-giã trong nước đã rõ biết.

Chung quanh cái tên tuổi về
vang của vị tân-khoa Thạc-
sĩ Triết-học Trần-đức-Thảo

THANH-NIÊN VIỆT-NAM TRÊN DƯỚING DANH-DỰ

NHẮC lại trong một khoản thời-gian hơn ba phần tư thế-kỷ, cái bước đường văn-học của chúng ta, dưới quyền thống-trị vừa văn-minh vừa có nhơn-dạo của Pháp, chúng ta tự-nhiên day mặt qua phía bên chánh-quốc và cúi đầu miêng họ : Đa tạ. Bước đường cũng khá dài. Đã biết đất Việt ta sản là ngàn năm văn-vật, song ai lại quên rằng cái khuôn-khó hàn-học và những thái-độ quốc-gia quá-khích thuở xưa cũng khó ký hiệp-ước bất xâm-phạm với cuộc tấn-bộ vật-chất của thập-cửu thế-kỷ cho được ? Thử nghe những câu :

« Ôn phu-phụ nghĩa quân-thần,
« Nhờ có trời sanh đức thành-nhơn :
« Nét mực tu-kinh ngăn đũa loạn,
« Dấu xe hành-dạo rạch trong trần.
Những tín-đồ trong đạo-thánh thờ-phượng họ giáo như thế ấy, cho nên họ có một bí-ẩn nội-mây tự-kiêu, ký-quyết cho những điều họ đã xác-nhận là cực-diêm. Ngày nay chúng ta thấy rõ lại, hai cái văn-hóa ấy lúc ban-sơ hình-như tương-phân nhau, nay lại liên-hiệp và bồi-đắp cho nhau một cách hoàn toàn, mỹ-mãn.

Sở dĩ, cái nền văn-học của ta có kết-liệu tốt-đẹp như vậy là nhờ hai cái điều-kiện tối-cần về tâm-lý : một là lòng nhiệt-thành của nhà cầm quyền, hai nữa là do cái trí-hóa thông minh và những cái thiết-lực lưu-truyền của nội-giống ta. Nếu ai còn ngờ-vực cái trí-hóa và cái thiết-lực này của dân-tộc Việt-Nam, thì cái bản-thống-kê khá dài, chép-những khoa-mục của học-sanh ta đã đến chiếm tận các trường trung-học và đại-học bên Pháp trong khoản gần hai chục năm nay, hẳn ấy đem lại cho ta một cái bằng-cớ phản-đối hiện-diện.

Cách đây chẳng mấy ngày, tin bên Pháp cho ta hay : Một học-sanh Annam chiếm số một, ngang hàng với một người Pháp trong khoa thi Thạc-sĩ triết-học kỳ rồi : Trần-đức-Thảo.

« Sanh ngày 26 Septembre 1917 tại tỉnh Thái-bình (Bắc-kỳ) Trần-đức-Thảo là con thứ của

Vậy còn chờ gì mà chẳng khai-sanh cho Thu-viện Việt-Nam ?

Chúng tôi ước mong bạn đọc hữu-tâm và đồng chí xa gần hưởng-ứng với chúng tôi. Nhưt là các bạn làm báo viết văn, chúng tôi thiết nghĩ công-việc này cũng là một phận-sự của con nhà cầm bút.

« Một cây làm chẳng nên non ».

KHUÔNG-VIỆT

« một vị quan-lại số Bưu-điện hồi hưu ở Hanói « là ông Trần-đức-Tiên (1). Khởi sự học tại « đồn-xứ, trường Lycée Albert Sarraut, cậu Thảo « đậu Tú-tài khoa triết-học với lời ban khen « riêng của ban Giám-khảo, nhằm kỳ Juin 1936. « Chánh-phủ cho cậu học-bổng mỗi năm 8.000 « quan đặng sang Pháp, học trường Lycée Louis « le Grand tại Paris (1936-37 và 1937-38), qua « năm 1939 cậu học Lycée Henri IV. Lúc này « Chánh-phủ cho thêm số tiền học-bổng mỗi năm « lên được cả thảy là 10.000 quan. Tháng Juillet « 1939 cậu được chấm đậu số 2 bis vào trường « Normale Supérieure. Nhờ tài học về-vang này, « cậu được nhà-nước thưởng một số tiền du-lịch « nên cậu trở về quê-hương nghỉ hè. Tháng No- « vembre 1939 cậu trở qua Pháp. Năm 1940, cậu « chiếm được một cái cấp bằng tâm-lý học với « mention bien », một cái về xã-hội học với « mention très bien », năm 1941, một cái cấp « bằng chót và lãnh bằng Cử-nhơn với « mention « très bien ». Tháng Octobre 1942, quan Thuộc- « địa-bộ trường có gởi cho phủ Toàn-quyền một « bức điện-văn như sau đây :

« Trần-đức-Thảo khi vào năm thứ nhất « trường đại học Normale Supérieure, lãnh số « một trong khoa thi đại-học, tài lực đứng trên « những bậc đại-học thường, một cách rõ « ràng và tỏ ra nhiều học-thức, và một cái « lý-tưởng triết-học sâu-xa ».

« Trong kỳ thi Thạc-sĩ kỳ rồi, cậu đậu số « một « bis ». Khoa này là một khoa-thi cao « đệ nhất trong những cuộc thi đại-học Pháp- « quốc vì phải trải qua những sở-học và « những cuộc khảo-thi rất quan-trọng.

« Ông Trần-đức-Thảo là một vị Thạc-sĩ « triết-học thứ nhất của Đông-Pháp. Mỗi năm « người trúng tuyển vẫn ít lắm, nên vị tân- « khoa làm vinh-diệu cho những bậc danh-sư « bên Pháp, cho xứ Đông-Pháp và cho nền « văn-học của Pháp-quốc (Theo điện văn của « Ofi).

Chúng ta nên nhớ rằng chẳng những ông Trần-đức-Thảo đã làm vinh-diệu cho gia quyền và quê-hương mà thôi, lại ông đã chiếm được một cái tên tuổi quốc-tế nữa. Vì kinh thành Paris là một cái thủ-đô công, nhận của nền văn-hóa toàn cầu, trường đại-học Normale Supérieure là trường lớn nhất trên thế-giới. Những sanh-viên trường ấy bao giờ cũng là

bực tài hoa cực phẩm, hoặc những tay trị-quốc trừ-danh và đả thay mặt cho nước nhà đặng giao-thông với những bậc thượng-lưu quốc-tế.

Cái tin-tức khoa-mục này đã đem lại cho tôi một cái cảm-tưởng của một người Việt-nam một trăm phần trăm.

Chúng tôi tin chắc rằng nòi giống của nước văn-lang sanh nơi bờ sông Nhị, hoặc ở chơn núi Nùng rồi lần lần vượt qua sông Hương, rồi vào chiếm đất Đông-Nai, thì ắt có đủ tài-lực đứng ngang hàng với những bậc đại-học trên mặt địa cầu này. Về phương-diện này, đồng-bào ta vẫn lạc-quan cho nên mỗi khi có những vị tân-khoa nào về nước, trong báo-giới cũng tỏ vẻ mừng rỡ khen ngợi, xét vì họ chẳng những là của riêng của mỗi gia-đình, họ lại là « báu chung », nếu họ có chí phụng-sự quốc-gia một cách thành-thật.

Đối với vị tân-khoa này, chúng tôi cũng một lòng mừng rỡ và khen ngợi không cùng, mặc dầu là không biết người và cũng không phải là bạn riêng của gia-đình người. Vả lại, chúng tôi chẳng hề làm quảng-cáo cho cá-nhơn ; vì nhờ cái lương-tâm yên-tĩnh như thế, chúng tôi nhơn dịp này, ngó lại việc di-văn và ước mong một đôi điều về tương-lai.

Chúng tôi vẫn có hi-vọng nhiều trong cuộc sửa đổi của chánh-quốc và của chúng ta, mỗi khi có cái dạng nhơn-tài bước lên sân khấu, thì chúng tôi vỗ tay chào mừng, tương tự như cái giọng cười của Trần-Đoàn tề ngựa.

Còn việc di-văn ?

Chúng tôi không hẳn là lạc-quan. Khoa-mục cũng có nhiều. Số học-sanh thành-tái đã về nước có địa-vị rồi, lập nên sự-nghiệp xong, xét ra không phải là ít. Chúng tôi không có ý nói « lời chung », vẫn biết chỗ lầm-lạc của người khách du-lịch nào đó, khi thấy mặt cô chủ quán liền phê rằng : « Ở đây cả thầy đàn bà đều tóe hồng ». Có chẳng những vị đặng khoa-mục đã đem về cho trẻ em một cái gương hoàn-toàn vừa vật-chất vừa ích-kỷ ? Một phần hậu-tấn đa làm tưởng rằng đặng học để thâu-hoạch những phương pháp đặng xâm-chiếm những sự khoái-lạc cực-kỳ cho lòng

nhơn-dục. Có chẳng một phần hậu-tấn, trong việc hành-vi mất nề-niếp của tổ-tông ; trong lý-tưởng chẳng có chút chí nhơn-dạo ? Những cái thuyết « nho-hạnh » và « nho-phong » đã bị trục-xuất từ bao giờ, nay chỉ còn những kiểu-mẫu y phục và một lòng nhơn-dục đờng khao-khát vật-liệu mà thôi ! Nếu có những nền văn-hóa nào đào-tạo ra một cuộc văn-minh như vậy, thì chúng tôi xin thà đừng c) sách còn hay hơn : cái câu « tên tin thơ bất như vô thơ » có lẽ dễ phòng bị những điều lầm-lạc ấy. Từ xưa đến nay, những người không cội-rễ phụng sự ai đâu ?

Mong sao cuộc « tông-tây hội-ngộ » sẽ có một cái tương-lai đẹp hơn, một cuộc kết-liệu sâu-xa hơn, nhờ ánh sáng của những vị tân-khoa về tổ-quốc.

NGÔ-THÀNH-TÂM.



Lẽ cô-nhiên !



— Tôi bảo anh đi lại Chùa ông, sao anh kéo tôi lại Chùa bà ?

— Vâng, hè chùa của bà, lẽ cố-nhiên là chùa của ông, đấy !



Độc «NAM-KY» chưa đủ

mà còn phải đọc

«ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ» nữa.

KỶ-NIÊM chưa xốt và êm đềm của một nhà danh-sĩ



G RONG chúng ta, còn ai lạ với cái tên Anatole France? Ngài là một danh-sĩ làm rạng-rỡ văn-chương Pháp hơn cả trong khoảng rất gần đây. Ngài được giải thưởng Nobel là một giải có giá trị như hoàn cầu, năm 1920, và ba năm sau đó thì từ già cõi đời, được nước Pháp làm lễ quốc-táng vô cùng long-trọng.

Nhà danh-sĩ có một cái tên vang rền như thế ấy, lúc thiếu thời là một người rất mũ-mi. Ngài nước-nhắc đến nỗi đã 17 tuổi rồi mà khi phải chào ai lạ hoặc phải ngồi chung với một đám đông là thẹn rịn mồ-hôi trán! Khi phải đứng trước mặt phụ-nữ, ngài rất sợ hãi.

Thế mà, trong những bạn gái thân của mẹ ngài, ngài thích ngắm một người hơn cả và tưởng chừng có thể dám ngồi hầu chuyện lâu với người ấy mà không mặc cỡ, không run sợ. Bà ấy là vợ của một nhà nghệ-sĩ. Bà đẹp lắm, đẹp hơn cõi mộng, đẹp tuyệt trần!

Một buổi chiều kia, giai-nhân ấy đờn piano một bản về đêm của Chopin. Hai tay uyển-chuyển "như có bao nhúng" của giai-nhân thoăn-thoắt đưa trên phím đàn, để hướng lên những âm-thanh véo-vắt như gió thoảng, như mưa rơi. Nhà danh-sĩ ta chưa từng nghe ai đờn hay đến thế. Ngài mê-mết và ngồi lặng người ra đó, tưởng chừng như bên tai mình tròn một vuốt ve êm-địu, thần-tiên.

Người đẹp lại đờn hay, ôi! còn chi đem sáng-khoái cho tâm-hồn hơn nữa?

Khi giai-nhân đờn xong, âm-thanh chưa dứt thì nhà danh-sĩ nhúc-nhắc, mũ-mi của chúng ta kia, như có một năng khiếu sai khiếu, tự nhiên đứng dậy đi về giai-nhân về chỗ cũ và ngồi lại bên cạnh người. Làn-hương bát ngát ở giai-nhân thoảng qua, Anatole France say sưa lim-dim đôi mắt.

Đến khi nghe giọng oanh thờ-thể hỏi chàng có thích âm-nhạc chăng, Anatole France rùn mình. Chàng mở mắt thì thấy giai-nhân đắm đắm nhìn mình như đợi trả lời. Đôi mắt đẹp kia như thân hết tâm lực của chàng khi chàng bối-rối không còn biết gì nữa, và đáp lại, bơ phờ như trong giấc mơ:

— Vâng, thưa ông!

Trời ơi! hai tiếng khốn-nạn vừa thốt ra, nhà danh-sĩ mới biết mình đi lỡ! Chàng ước gì lúc ấy đất nở ra để chàng chui xuống trốn đi. Chàng trách hóa-công sao quá hững-hờ với những kỳ-vọng tha-thiết của người đời!

Suốt đêm ấy Anatole France không sao ngủ được. Chàng mãi gọi mình là ngốc, là con vật và không ngớt tự thoi vào mặt để hành-phạt tánh cá-then vô lý của mình. Đến sáng ra, sự nghĩ chín-chắn rồi, chàng vẫn chưa thuận với mình và tự trách tàn tệ: « Mi muốn tỏ với một người đàn-bà rằng người ấy đẹp, đẹp lắm; rằng người đàn-bà ấy hay, nghe như thân như khóc, như oán như sầu mà mi chỉ có thể nói được hai tiếng « vâng, thưa ông » thì mi là một kẻ đĩ mất trí khôn, mất hết tư-tưởng. Mi là một kẻ tàn tật, hãy trốn đi! »

Than ôi! nhà danh-sĩ của chúng ta cũng không trốn được. Chàng phải chường mặt ở trường học, ở bán ăn, trong cuộc ngoan-du, ở khắp cùng. Chàng rán hết sức để giấu cánh tay mình, chân mình, cổ mình, nhưng dần dần thế nào người ta cũng vẫn thấy chàng. và vì thế, chàng rất khổ sở. Chàng hối-hận, tự nói trong lòng, nếu trước kia tránh giai-nhân ấy, không nhìn nét kiêu-diễm của người, không xem tay xinh-xắn của người hay trên phím đàn, không nghe khúc nhạc tuyệt vời của người tạo ra thì chàng đâu phải bị người hỏi: « Cậu có thích âm nhạc không? » và chàng sẽ khỏi phải trả lời bằng tiếng khốc-hại: « Vâng, thưa ông ».

Ba tiếng « vâng, thưa ông » văng vẳng mãi bên tai của Anatole France. Chàng buồn thảm rờn rả trong sáu tuần-lẽ.

Chàng tức-tối lắm và càng tức-tối hơn là lúc vắng người, một mình chàng, chàng rất dạn-dĩ, rất khuấy-phá, lại có nhiều ý nghĩ rất bạo trong trí óc. Một mình, chàng « du-côn » lắm kia!

Mấy mươi năm sau đó, giai-nhân ngày trước đã già rồi. Một ngày nọ, đi nghỉ mát trên

(Coi tiếp qua trường 18)

Đ Ờ nọ, hình như trong tuần báo « Tân-văn » của ông Phan-văn-Thiết thì phải, như bản đều một vấn đề

vi như sau nào đó (?) một nhà viết báo có dùng câu: « Giết một mèo cứu muôn chuột ». Hay! Nếu tôi thì tôi phục cái ông nào đó sát đất! Đàng này không, một độc-giã ranh chữ nho, thông điển tịch, gởi thơ ngay tòa soạn trách cứ cái chữ « sơ sót » của tác-giã câu « giết một mèo cứu muôn chuột » kia. Ông độc-giã bảo ông viết báo làm, làm vì không có học chữ « hán » (?) nên hiểu sai nghĩa cái câu « sát nhưt miêu cứu vạn thú ». Miêu là sáu miêu (chữ không phải linh-miêu) còn chữ đích thì là lười thú, chứ không phải là chuột (tắc). Nếu muốn « hoát thai » từ cái chữ điển tịch thì phải nói « giết một con sáu miêu, cứu muôn cây lười thú » mới đúng cho. Ông viết báo cái lại rằng ông độc-giã làm, làm... vì không hiểu rằng khi viết câu « giết một mèo cứu muôn chuột », ông chẳng hề nghĩ đến câu « sát nhưt miêu cứu vạn thú » và đó chính là « của riêng » của ông chứ không phải « của mượn » mà bắt phải giống dạng, giống hình! Nghe cũng được đi. Nhưng ông ấy cần gì phải đính chánh cho rộn chuyện? Chính cụ Phương - Đình Nguyễn-văn-Siêu — bực danh sĩ đã được đức Tự-Đức khoe rằng: « Văn như Siêu Quát vô tiền Hán » — mà còn dùng điển sai nữa là!

Đó là một câu chuyện đã cũ, nhắc lại cho... có chuyện vậy thôi. Dưới đây mới là điều đáng cho ta để ý.

Số là trong Nam-Kỳ số 48, ông bạn đồng

THI-THOAI

hương của tôi, thi sĩ Tô - Phang, có cho đăng bài thơ Ngũ ngôn « Voi, cát với xi-măn » (trang 8) trong ấy có 2 câu:

Hãy xem voi cát cùng là « xi-măn »
Hiệp thành hồ chắc vô ngần.

Có một chữ « hồ » hết sức nhỏ mà cũng hết sức lớn. Chữ « hồ » ấy chính tôi tôi không thấy được mà, trái lại (than ôi!) một bạn gái vừa biết làm thơ (?), tí mi « lượm » ra để chất vấn nhà thi sĩ yêu mến (?) của chúng ta. Cô ấy (cảm đoán có thật) báo thi sĩ thư lấy, theo như hai câu thơ đó, voi, cát và « xi-măn » hiệp thành hồ cho cô xem. Thế là thi sĩ « chệch đề »!! Thưa bạn, chỉ bởi vì thiếu nước! Muốn khuấy nên hồ mà không nước là thì chỉ có cây dứa phép của năng tiên mới làm được. Có đây báo: thơ ngũ ngôn là để trẻ em đọc, mà ông Tô-Phang dạy « khuấy hồ » kiểu ấy thì hẳn là chàng nên việc gì.

Nhưng các bạn bạn ơi! Nghe chất vấn như vậy, thi sĩ của chúng ta ắt thao mỗ bời hột, thì có thể cứ dùng đờ mỗ lời ấy mà thế cho nước cũng được.

Hiện nay các thi sĩ Tô Phang phải « nghe lời » ông Dương từ Giang mà chuyên làm... thơ hồ (xem bài Phóng trào nghiên cứu và sáng tạo của D. T. G. đăng ở Thuận-Niên tuần báo số 1, ngày 7-8-43 trang 8), đợi khi đã học được nhiều, hiểu được nhiều, hay trở lại cầm viết... làm thơ!

Đó là câu chuyện... « nước là khuấy nên hồ », tôi thấy ngộ-ngộ đem thuật lại biểu bạn đọc giải buồn, không hiểu rồi có trách được cái lạt lẽo của... nước và hồ hay chăng.

Tây-dô AN-SĨ.



Thu: sang lá rụng...

Người về...

Nón... bay...!

Cách lặn xuống nước

L OÀI người thường thích tìm cái mới, cái lạ. Nếu nhờ khoa học họ lên thật cao khỏi mây xanh được, thì xuống nước, họ chỉ lặn sâu lồi một vài trăm thước là cùng; vì càng xuống sâu, bị nước ép, họ càng khó thở. Mà khi lên, họ cũng phải cẩn thận lắm, sợ ý một chút, họ có thể bại cả thân mình, đứt cả mạch máu.

Vì đó nghề thợ lặn rất nhọc mệt. Dầu không có tai nạn gì xảy ra, họ cũng mau mất sức. Đã vậy người thợ lặn còn cần phải có nhiều can đảm, phải tinh trí để người khác bỏ mình trong một bộ khí cụ đầy những dây chằng, thả mình xuống giữa đám tuồng-luồng, ba-ba, ma-da, của biển. Lặn khi có cả cá mập. Lại nữa người thợ lặn cần phải vững lòng trước cảnh tượng rừng rợn người chết xương rú lúc tìm thấy mấy chiếc tàu chim.

Trong đám thợ lặn danh tiếng lầy lừng đã từng xuống thật sâu, hãy kể Lambert trước nhất. Vào tháng hai năm 1855, chiếc tàu « Alphonse XII » của I-pha-Nho, đi từ Cadix sang Havane bị chìm sâu đến năm mươi bốn thước sáu. Hầm tàu đựng 2.500.000 quan và ở lối bốn mươi tám thước tám bề sâu. Các nhà bảo hiểm sợ mất của nên nhờ Lambert lặn đem tiền lên. Từ xưa, chưa ai dám lặn tới mức đó. Người ta lập thử Lambert, lặn lặn Lambert lặn tới năm mươi lăm thước. Qua Canaries sáu tháng, trải

lắm gian lao, Lambert đem lên được tám thùng vàng. Còn hai thùng nữa, vì kiệt sức, Lambert đành chịu thôi. Người ta bèn nhờ một người thợ lặn Anh tên Tester thay thế. Sau hai mươi phút xuống nước, đem Tester lên thì anh ta chỉ là một xác chết! Nhiều thợ lặn Đức cũng thử xuống, nhưng vô hiệu quả, rồi cuộc một người phát điên.

Trostarbe cũng là một tay thợ lặn danh tiếng. Chiếc tàu « Skyro » chở hai triệu hai trăm năm chục ngàn quan chim gần Cap Finistere, sáu lồi năm mươi hai thước. Biết bao vất vả, Trostarbe mới đem lên một đực mở vàng.



Rồi đến James Hooper lặn sâu sáu mươi thước gần Pichidanque ở Nam-Mỹ. Sau rồi, Drellisbak, thủy - thủ Huê-ký lặn tới tám mươi ba thước ở Long-Island-Sound, gần Nữ - Ước (New-York).

Muốn tập thợ lặn, không phải thả họ ngay xuống biển mà để họ vào một cái thùng tròn bằng kiến, đổ nước tới một mực cao nào đó. Rồi đưa không khí tới ép nước. Nhờ kiến người ta nhìn được người thợ lặn và nhờ sức không khí ép người ta độ sức chịu đựng của họ tới bề sâu nào.

Hiện nay nhờ khí cụ tối-tấn, thợ lặn giỏi có thể xuống sâu đến một trăm sáu mươi thước.

Quần áo người thợ lặn thường bằng vải trắng cao-su, trên mũ có ống dẫn không khí.

CHUYỆN MỖI TUẦN

VĂN-NHO'N VỚI XÃ-HỘI

T OI có một ông bạn y-sĩ đã cho tôi nghe câu chuyện sau này.

Một hôm bạn tôi phải rọi kiếng cho bình nhơn tên là Lê-văn-Mỗ. Bạn tôi cao-hưng hỏi chơi :

— Phải chăng đây là Lê-văn-Mỗ nhà văn, tác-giả những quyển tiểu-thuyết được công chúng hoan nghinh đó chăng ?

Bình-nhơn đáp :

— Đúng lẩn ; chính là tôi. Hiện tôi đang viết quyển « Tôi đi lính ».

Bình-nhơn là một người lính mới được miễn-dịch, nếu viết chuyện đi lính chắc chắn là sẽ có nhiều cái hay hay, nhưng ta còn cần biết ông cảm viết có được như ông cảm súng hay không đã ?

Cái tôi chưa thi-thố, ta chưa có quyền ngợ-vực, song ông đã nói chính ông là Lê-văn-Mỗ nhà viết tiểu thuyết, thì trong ý ông đã muốn cho ta phải hàng-phục không điều-kiện.

Nhưng bạn tôi không chịu hàng-phục một cách dễ-dàng như thế, vì bạn tôi cũng là một nhà văn, cũng có biết mặt nhà viết tiểu thuyết họ Lê, biết ông sanh trường ở đất Bắc và biết ông gần đây chưa hề có đi lính bao giờ.

Bạn tôi các-cớ hỏi tác-giả « Tôi đi lính » :

— Ông gốc gác ở đâu ?

Ông trả lời :

— Nhiều người tưởng tôi là người Bắc. Thật ra tôi là người Trung.

Vì sức nước xung quanh ép quá mạnh nên các nhà chế tạo thể cao su bằng loại kim. Khi người thợ lặn mặc đồ đó, thì tay không cử động được trong nước, phải dùng kẹp hay móc thay vào. Lúc thở thì nhờ sanh khí đựng trong chai hoặc do ống bom dẫn tới.

Nghề thợ lặn tuy mệt nhọc, nhưng sự ích lợi không biết đâu mà lường : Nào tìm tàu chim, nào mò san hô, bông đá, ngọc trai sẵn có dưới biển, nào giúp sở tạo tác xây cầu, đắp móng giữa sông sâu.

BỘI-CHI

Nhà y-sĩ tô-mô ra buồng giấy lục giấy tờ coi lại thì ông là người ở Thủ-dầu-một.

Xong một chuyện. Còn một chuyện nữa, mà là chuyện xảy ra đã lâu và nhiều người đã biết.

Đó là chuyện một thanh-niên người Bắc vô Saigon với một chồng tác-phẩm của một văn-sĩ có tiếng.

Đi tới đâu chàng cũng xưng danh là tác-giả những quyển sách đã quen với công chúng.

Nhiều người đã tưởng thiệt và đã ăn cần săn-sóc, đã giành nhau cái hân hạnh được mời ăn, mời uống, mời ở, mời chơi, để được biệt-dãi một nhà văn xứng-dáng.

Họ vẫn tưởng nhà văn thường khó-tính nhưng họ đã gặp được một nhà văn dễ-dãi vô-cùng. Ai mời cũng được. Mời gì, chịu hết. Mà thích nhất là được mời đi nghe hát Á-dào.

Chẳng những thế. Nghe hát không chưa đủ. Chàng còn muốn chinh-phục chị em bằng khoa ngôn-ngữ, bằng những bức thơ-tình, và nhất nhất đều nhơn-danh nhà văn nọ cũ.

Nhưng quá dễ-dãi-shàng đã làm cho người ta phải nghi ngờ, rồi, một đêm nọ, chàng đã làm kinh-dộng cả xóm Bình-khang vì bị người ta... lột mặt nạ !

(Coi tiếp qua trang 12)

Vàng Quận-Chùa, chả Quận-Công,
Diện toàn đồ đẹp, ăn róng miếng ngon,
Gần xa nó nức tiếng đồn,
Nữ trang ngọc thạch, bánh dòn phồng tôm,
Sáng mai cho đến chiều hôm,
Quận-Công, Quận-Chùa luôn luôn chặt
Saigon chỉ có hai nơi ! người.

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIỆN
COI TAY
và văn ở số nhà 251, Đường Lagrandière
SAIGON



SAU khi cho heo và gà vịt ăn xong, Lan xách gáo ra vườn để tưới mấy liếp rau mà nàng trồng được vài hôm. Khu vườn tuy nhỏ hẹp, nhưng không có một khoảng đất trống trải. Cây cối đứng ngay hàng, cành lá sum sê, bông trái sai hoẵng: mận, ổi, cam, bưởi, ớt, cà... Cái cảnh vườn ấy nhờ sự siêng cần của Lan nên mới được tốt tươi như thế và hũe lợi trong vườn đủ cung cấp cho cả một gia đình.

Quán, chồng Lan, đi lính đến nay đã gần một năm. Trong khoảng thời gian ấy, Lan phải thay thế Quán để nuôi nấng mẹ chồng và hai đứa con thơ, một đứa lên năm, một đứa còn măng sữa. Mẹ chồng đã già yếu không làm gì được. Lan phải đơm đướng tất cả công việc trong nhà. Tuy rằng làm lụng vất vả, thức khuya dậy sớm, đang nắng dầm mưa, nhưng luôn luôn có một nụ cười nở trên môi thắm.

Đang cầm cùi tưới rau, Lan bỗng giật mình ngược mặt trông lên trời: năm chiếc phi cơ đang nhẹ nhàng lướt trên không-trung. Trông thấy những con chim không-lô ấy, tự nhiên Lan nhớ đến Quán đương xông pha nơi trận-mạc. Trong tâm-trí nàng, phút chốc hiện ra những hình ảnh ghê gớm về chiến-tranh: mưa bom gió đạn, sóng máu núi xương. Rồi nàng hồi hộp lo sợ cho số phận của người chồng yêu quý. Nàng nhớ lại câu chuyện rừng rợn, bi-đát mà ông Tám trong làng đã thuật cho nàng nghe hôm nọ: trước kia ông đã từng sang Pháp từng chinh và đã từng mục-kích nhiều cảnh-tượng hãi-hùng; kẻ đứt tay, người vỡ sọ, chết không kịp kêu, chết không nơi gối xác.

Quảng gào, Lan ngồi xuống đất, dựa lưng vào gốc bưởi, thở dài, nàng không muốn làm gì nữa. Cái cảnh vừa trông thấy lúc này gieo vào tâm hồn nàng một mối buồn thăm-thía. Hai giọt lệ từ từ lăn trên má nàng. Hồi tưởng lại những ngày qua đây hạnh-phúc, nàng thấy hiện tại lạnh lùng ủ rũ quá! Biết chàng có đang bình-an giữa rừng tên đạn hay chăng? Biết bao giờ chàng mới trở về quê-hương để được đoàn-tụ với vợ hiền con dại để đem lại chút ấm áp cho cõi lòng lạnh lẽo của nàng? Hai con chim chia với từ đâu không biết bay lại đậu trên cành mận trước mặt nàng, cất tiếng bắt liu lo, xem âu-yếm nhau lắm. Chim còn đủ tạn, người lại lẻ đôi? Nàng càng thêm đau đớn! Rồi dường như

LÒNG NGƯỜI

ghen tức, Lan lượm một cục đất quăng ngay lên cành mận. Hai con chim vô-tình khèn gọi nỗi buồn của người thiếu-phụ xa chồng, hoảng sợ đập cánh bay đi mất.

Nàng đang đưa mắt nhìn theo vợ vẫn thì thằng Ban, đứa con lớn của nàng, chạy ra kêu: « Má à! Má ơi! » Đứa bé ngộ nghĩnh vừa kêu vừa chạy lại ôm nàng. Bao nhiêu buồn rầu, lo sợ, đều tiêu tan trong những cái hôn nồng nàn mà Lan đặt trên đôi má của đứa con thơ. « Vô ăn cơm má, mà đôi bụng không? Sao mặt má đỏ quá vậy? » Những câu hỏi ngây thơ âu yếm ấy làm cho Lan vui sướng vô cùng. Âm con lên, tay xách gáo, nàng đi vào nhà thì vừa lúc ấy, đứa bé ngủ thức dậy khát sữa la khóc vang vầy.

Lan ngồi trên chông, vừa vá áo, vừa ru con:

- « Đường trường cách trở nước non,
- « Mẹ già đầu bạc, thiếp còn xuân xanh.
- « Giang sơn thiếp gánh một mình,
- « Hỡi chàng có thâu thiếp tình cho hay?
- « Biết là chàng ở đâu đây,
- « Thiếp xin mượn cánh chim bay tìm chàng ».

Hình ảnh của Quán lúc nào cũng in sâu trong tâm-trí nàng. Mà làm sao nàng có thể quên được anh chồng lực-lưỡng, khôi-ngô và hiền-từ như ông Phật, anh chồng thương vợ thương con bằng một tấm lòng chất phác? Làm sao nàng lại có thể quên những ngày tốt đẹp, êm đềm mà nàng đã sống cùng chàng trong túp lều tranh ấm-áp.

Những câu hát ấy trước kia nàng cũng thường hát, nhưng không thấy có ý-nghĩa gì hay-ho cả. Mà bây giờ trái lại, nàng thích nó lắm, nàng thấy nó là đúng cái tâm-trạng buồn-thảm của mình. Nàng hiểu lời vắn, nhưng giàu tình-cảm, cho nên mấy câu thơ có tình-từ thiết-tha làm rung-động lòng nàng một cách thăm-thía.

Mà không phải chỉ một mình nàng là sầu-não mà thôi. Bà mẹ già đầu tóc bạc phơ, da nhăn mà cộp đang ngồi ngoài trời, kẻ bên cũng cam-động và không cầm được giọt lệ tuông ra ở đôi mắt lẻ mợ. Bà đưa tay lên quẹt nước

CHINH-PRU

mắt rồi hức vào nhà trong lấy quần áo đổi lên, đứng trước bàn thờ Quan-Thánh, lăm-lăm khẩn vá, cầu nguyện cho con được bình an ở chốn chiến-trường.

Thằng Ban chơi ở sân chạy vào thấy bà đang lạy lạy trước bàn thờ thì lấy làm ngạc nhiên, đứng nhìn sững. Rồi nó ra hỏi mẹ: « Bữa nay cúng gì mà bà con lạy vậy má? » Ôm con hôn, Lan đáp: « Ba con đi làm ăn xa, bà con vá trời phật phò hộ cho ba con mạnh giỏi và mau trở về. Con nhớ ba không? » — « Con nhớ ba lắm. Ba đi, ở nhà không ai dắt con đi chơi, cho con chơi trâu ngoài ruộng, bắt cá thả thả cho con đá với thằng Lành. Chừng nào ba mới về, má? » Lạnh-lùng, Lan đáp: « Còn vài ngày nữa thì ba con về. »

Vài ngày nữa thì Quán về, Lan biết rằng vài ngày đó có thể là vài tháng, vài năm, và không chừng... mãi mãi. Nhưng Lan buộc phải đối con vì cũng như nàng, thằng bé ngày thơ trông đợi cha về. Nàng muốn cho con nuôi một hi-vọng mơ-màng, nàng muốn dùng câu nói ấy để đánh tan cái ám ảnh ghê gớm đó bắt nàng trông thấy tương-lai đen tối vô cùng!

Mấy hôm nay, thằng Ban cảm nóng, nằm vùi. Bà lão cũng ho sù sụ, và sổ mũi. Lan phần bận công việc vườn tược, phần lo săn sóc cho mẹ và con, nên rất mệt nhọc, trông nàng ốm xanh và gầy lắm. Không một phút nào rảnh rỗi; hết ở vườn trồng cây tưới nước, lại vào nhà để lo cơm nước thuốc men. Bao nhiêu tiền chất một bấy lâu tiêu ra gần hết mà bình-tĩnh thằng Ban cũng không thuyên-giảm chút nào. Sự nhọc nhằn của thân xác thêm vẻ nỗi thương-nhờ buồn lo làm cho nàng càng thêm tiêu-tụy. Ngày đêm, nàng kiên bền mình con, đứa con ngoan-ngoãn xinh-đẹp mà nàng cho là lẽ sống của đời nàng. Thật vậy, thằng Ban nó giống hệt Quán, nó là hình ảnh của Quán (hầu nhỏ lại: cũng nặt mày sáng sủa, cũng tính nết ôn-hoà. Nó đem lại cho đời người thiếu-phụ ấy một không-khí vui-tươi, nó làm cho nàng đủ

can-đảm sống những ngày lao khổ để chờ khi sum-hiệp với chồng. Nó cũng là nguồn an ủi thiêng liêng của bà mẹ già mỗi mòn đời mắt trông con. Nếu nó có hề nào thì nàng cũng không còn vui sống.

Một con nhện to-tướng trên nóc nhà rơi xuống trước mặt nàng trong khi nàng ngồi nấu cháo cho con ăn. Nàng sợ hãi vì nàng thường nghe nói rằng nhện sa là điềm bất-tướng, chắc trong gia-đình nàng sẽ xảy ra tai-họa. Ở trong tình cảnh ấy, nàng càng thêm tin-tưởng ở những sự đau khổ sắp tới mà con vật bé nhỏ nhưng có linh-tánh báo trước cho nàng hay. Bình thảng Ban cô mời trầm-trọng và đã lâu rồi, nàng không được tin-tức gì của chồng.

Thằng Ban đã tắt thở. Mặc dầu Lan săn sóc ân cần, nó cũng không thoát khỏi bàn tay ác-dộc của Tử-thần. Sự đau-đớn trên ngáp lòng nàng. Từ nay về sau, đứa con yêu quý lia nàng để sang thế giới khác, đem theo cả sự vui-vẻ ngày thơ, những tiếng cười trong trẻo, những lời nói ngộ-nghĩnh thật thà.

Nàng cho chôn thằng bé trong vườn, kế gốc cây bưởi vì nàng muốn gần cái mồ mồ nhit của đứa con yêu.

Một hôm, sau khi làm công việc vườn xong, nàng lại ngồi bên mồ, nhớ đến con, nhớ đến chồng, nàng mũi lòng rơi lệ. Nàng định ninh rằng Quán đã bỏ mình nơi chiến trận, nàng hết hi vọng rằng ngày kia thời cuộc yên ổn, chồng nàng sẽ trở về quê hương vui cùng vợ thơ con dại. Anh Lương, anh Báu trong làng cùng đi một khóa lính với chồng nàng đều có tin tức về nhà, riêng về Quán thì vắng bật âm hao. Nàng cảm thấy hiện tại u-âm nặng nề mà tương lai cũng tối tăm mù mịt.

Gió hiu hiu thổi... Lan nhắm mắt mơ màng. Nàng thấy Quán từ ngoài ruộng đi vào, lưng công thằng Ban, mình mẩy vấy đầy những máu, nàng hoảng sợ kêu lên: « Minh ơi! Con ơi! » Rồi bỗng bả chạy lại ôm chồng, con. Nhưng liền đó, cả hai đều biến mất!

Nàng mở bừng mắt ra, trông quanh trông quất, chẳng thấy bóng người. Thì ra nàng vừa trải qua một giấc mơ dữ dội.

Bảng khuâng, nàng nhổ nốt những cọng cỏ non mọc trên nấm đất, trông lúc gió than rên-rỉ ở đám tre xanh i hư tương hồn chồng con còn phảng-phất trên khu vườn hiu quạnh... MÀ-SANH-LONG.

Chuyện mỗi tuần

(Tiếp theo trang 9)

Ôi! Thật là «vang bóng một thời», và từ đây âu cũng là «một chuyến đi trong gió-bụi».

Hai câu chuyện tôi thuật trên đây không phải là những chuyện đáng cười, đáng buồn hay đáng chán.

Nghĩ cho đáo lý thì đó chính là những triệu đáng mừng của nhà văn.

Phàm-giã người ta chỉ mạo-nhận những cái gì mà người ta cho là có giá-trị. Không ai làm giả một nhân hiệu vô-danh và cũng không ai nhận-diện những nhơn-vật không tên tuổi.

Trước đây không ai thêm mạo-xưng văn-sĩ vì văn-sĩ vẫn sống giữa sự lãnh-đạm của đồng-bào.

Nay công-chúng không lãnh-đạm với văn-nhơn nữa nên hễ mỗi khi được tiếp một nhà văn thì phần nhiều họ đều có biết nhân và sẵn lòng châu-tất ân-cần như đối với một nhơn vật xứng-đáng.

Họ đọc chúng tôi kỹ, họ hiểu chúng tôi nhiều, nên mỗi lần gặp chúng tôi họ đều coi như là những bạn cố-giao, những người tri-kỹ.

Như vậy ai còn dám nói là văn-học Việt-Nam không có hoàn-cảnh? Ai còn dám bảo là xã-hội không biết khuyến-kích nhơn-tài?

Những sự ân-cần, những cách đãi-ngộ của bà con đối với những văn-nhơn giả-hiệu đã làm cho chúng tôi phải cảm-kích và kể như là những ơn-huệ đặc-biệt đối với cả đoàn-thể của chúng tôi.

Nhưng nếu các bạn tinh-mắt thêm chút nữa, tri-kỹ thêm chút nữa, thì các bạn sẽ nhận thấy rằng ở làng chúng tôi không thể nào có những tên dân «kỳ cục» như thế được!

LẠC QUAN-NHƠN.

Thông-chê nói:

Một đại quốc khai sáng được chẳng phải nhờ mạng vận may mắn đâu. Gầy dựng một đại quốc được là nhờ cả thầy tôi con trong nước, đời này tiếp nối đời nọ, chuyên chú cần lao luôn luôn.

Thơ tín

Từ ngày N. K. T. B. xuất bản đến nay, các bạn đồng chí ở nhiều nơi đã sốt-sắng một lòng tán trợ. Bài vở gửi đến chúng tôi rất nhiều. Trước hết chúng tôi có lời thành-thật xin cảm ơn tất cả anh em trong văn giới.

Chỉ tiếc vì N. K. T. B. của chúng tôi là tuần báo có 20 trang mà thôi, nên mặc dầu đã có nhiều bài văn rất có giá-trị gửi đến, chúng tôi không thể giải quyết bài toán-đố vật-chất để đăng một lượt hết một xấp quá dài gồm cả bài vở của tác giả Bắc, Trung, Nam cho được. Vì lẽ cố-nhiên ấy, nên nhiều bài văn, thi, ca, phú phải đình lại trong một, hai, ba hay là nhiều số báo chẳng hạn, rồi lần lượt theo thứ-tự thời gian, những đoạn văn-chương ấy sẽ được đăng lên, nếu không đều chỉ trở ngại.

Muốn cho khỏi những lời phiền trách, chúng tôi xin các bạn, ai chưa được thơ tín riêng của chúng tôi, hãy vui lòng tiếp bức thơ chung này gọi là lời cảm-tạ và chúng tôi xin hứa với các bạn còn ngày hội-ngộ.

N. K. T. B.



— Mi ngu lắm. Ta nói cho mà biết, hồi ông Churchill cỡ tuổi mi đó, ông đã đậu bằng Sơ học rồi.

— Bẩm thầy, rồi cỡ tuổi thầy đó ông đã làm Thủ-tướng, còn thầy thì...

TIÊU - SỬ

NGUYỄN-HUỶNH-ĐỨC

(Tiếp theo trang 2)

Bị thua to, chúa Nguyễn-Anh phải bỏ Saigon mà lánh nạn. Lúc chạy giặc, con ngựa của chúa Nguyễn mắc lầy, mà vì mệt mỏi quá, nên không rút chơn lên nổi. Giặc đuổi theo gần tới, quân-thần đều bối-rối. May gặp lúc trời tối, cụ Huỳnh-Đức bèn lập mưu cứu chúa. Cụ một mình trở lại đón giặc, ta hét om sòm đương như đốc quân hỗn chiến. Giặc tưởng chúa Nguyễn đã gom tàn binh về kháng cự, nhưng đêm tối không hiểu địch-quân lực-lượng thế nào, nên dọ-dự không dám tới. Cụ Huỳnh-Đức thay vậy bèn mào-mào kêu-khích. Trước cụ-chỉ cừng-cời ay giặc cũng thêm ngu, sợ mắc kế Nguyễn chúa, nên truyền lện dừng binh mà chờ sáng rồi sẽ giáp chiến. Cụ Huỳnh-Đức thừa thế mới trở lại cứu chúa còn đương mắc lầy. Cụ lợi xuống bãi, kê vai cong chừa lều để trên mẹ khô, rồi trở lại nắm tay cương dúi-dúi con ngựa lên được nữa. Lợi chừa thoát nạn rồi thừa uể-mểm tới mới gục ngựa chạy tuốt, giặc không theo kịp.

Một đêm chạy tới sông, tôi chúa phải bỏ ngựa kiếm thuyền chèo đò. May gặp một thuyền câu, tôi chúa mới xuống thuyền mà đi. Đi được nửa đêm trạo-phu thừa phía trước có nhiều buồm trắng, sợ e là buồm của thuyền giặc. Chúa Nguyễn lo sợ, muốn lợi vào mé sông mà chạy bộ. Cụ Huỳnh-Đức can gián, tâu rằng sông có sâu nhiều sợ lợi không tiện, xin để cụ xem lại coi việc hư thiệt thế nào rồi sẽ liệu lượng. Cụ xem kỹ té ra bầy có trắng đầu ngừ trên cây mà trạo-phu tưởng là buồm giặc! Chúa mới an tâm ở lại trong thuyền cho trạo-phu chèo đi nữa. Chúa mệt mỏi quá nên ngủ gục. Cụ Huỳnh-Đức thấy vậy mới kê bắp vẽ cho chúa nằm nghỉ, cụ ngồi coi chừng, không dám chựa quậy, cứ lấy vật áo mà đuổi muỗi cho chúa ngủ tới sáng. Chừng chúa thức giấc thấy vậy thì động lòng rơi lụy. Chúa khen ngợi lòng trung của cụ, sánh cụ như bấy tôi nhà Nguyễn hội trước, lấy áo che tuyết cho chúa nghỉ yên đêm lạnh.

(An: Nguyễn Thái-Tổ cầm binh thất trận, phải tìm đường lánh nạn. Ban đêm tuyết xuống

dầy đường, vua mệt mỏi phải nằm trong đám cỏ dựa mé rạch mà nghỉ. Hai tướng là Mộc-Ba-Lê và Bạt-Nhĩ-Mộc, đứng hai bên cỡi áo che tuyết cho vua ngủ đến sáng).

Chúa ban quốc tước cho cụ để thưởng công. Từ ấy cụ Huỳnh-công-Đức mới đổi tên họ là Nguyễn Huỳnh-Đức.

Năm qui-mão (1783), cụ Huỳnh-Đức suất một đạo binh lối 500 người, mà dám giáp chiến với đại binh của Nguyễn-Huệ tại Đồng-Tuyền, Tây-sơn, bình nhiều tướng đóng, tự nhiên vậy bắt được cụ với cả đạo binh của cụ.

Nguyễn-Huệ đã từng nghe danh cụ là người nghĩa dũng, nhưng chưa biết mặt cụ, bèn dạy đất cụ vào trước trường để khuyến dụ qui hàng. Thấy gương mặt thông minh, hình vóc cao lớn, trang mạo hùng vĩ, Nguyễn-Huệ đem lòng ái mộ, mới lấy lời dịu-ngọt mà dụ cụ. Cụ vẫn giữ một niềm trung với chúa, không chịu hàng đâu, mà Nguyễn-Huệ thương đức thương tài nên không nỡ giết, cứ để cụ ở trong quân. Cụ muốn kiếm thế thoát thân, nhưng thoát không được, nên đêm ngày thường phiền muộn. Một đêm cụ nằm ngủ, cụ mơ mà mào-mào kêu-khích. Tướng giặc bắt binh muốn giết cụ. Huệ không cho, nói rằng lời mở-mở-hồ không nên làm tội, rồi dạy lấy nhiều châu ngọc mà ban cho cụ, muốn làm cho cụ có cảm tình. Tuy vậy mà cụ cũng không vui, cứ buồn bực nhớ chúa Nguyễn.

Ông Michel Mý viết quyển sách « Les grandes figures de l'histoire d'Annam : S. E. Nguyễn-Huỳnh-Đức. Maréchal d'Avant Garde de Gia-long » xuất bản năm 1926, ông nói đọc sử đến lúc này người ta có đặt mấy câu ca mà khen cụ Huỳnh-Đức như vậy, tuy tôi không thấy mấy câu ấy ở đâu và không biết ai đặt, song tôi cũng chép lại để đọc-giã xem :

« Ngậm-ngủi thay, tôi trung liệt,
Giữ một tiết ngay ở cung chúa.
Vẹn toàn câu chung thủy,
Đừng ngàn xưa ước có mấy ai. »

Năm bình-ngộ (1786) Nguyễn-Huệ đem binh thâu phục Bắc-tránh, sợ cụ Huỳnh-Đức trốn về với chúa Nguyễn, nên dắt theo. Chừng trở

về lại lưu cụ ở Nghệ-an để giúp quan Thủ-trấn Nguyễn-văn-Duyệt. Vả Duyệt là cựu tướng của Nguyễn-văn-Nhạc, vì hoàn-cảnh mà phải ở dưới quyền Nguyễn-Huệ, nên trong lòng không vui, thường mong trở về với Nhạc. Cụ Huỳnh-Đức thấu hiểu tâm-sự ấy, mới khuyên Duyệt do đường núi trở về Qui-nhơn ma hiệp với Nhạc. Duyệt tưởng cụ cũng có lòng muốn theo Nhạc, nên tin lời rồi kéo hết bộ binh gồm hơn 5 ngàn người đi theo đường núi vào Nam, dạy cụ Huỳnh-Đức dẫn một toán quân đi trước khai lộ. Cách hơn một tuần sau, cụ sai người trở lại đón Duyệt mà thưa như vậy: « Người có học ai cũng vì chúa mình. Đức nay không quên chúa được, cũng như tướng-quân không quên Tây-sơn, và chúa cụ của Đức mới thiết la chôn chúa, mạng trời đã định như vậy.

Nếu tướng-quan mà có chỗ tối mà theo chủ sang, thì nên hiệp với Đức về phò chúa Nguyễn, át danh cương hũ. Con như tướng-quan không bằng lòng như vậy, thì Đức này từ đây xin gia từ tướng-quan ».

Duyệt giận cụ Huỳnh-Đức gạt mình, muốn lập kế để giết chết mà tẩy hận, bèn sai người cầm lệnh-tiền chạy theo nói: « Lối của quan nói rất hiệp ý ta. Vậy này chờ ta dọn rồi hiệp nhau mà đi một lượt ».

Cụ Huỳnh-Đức biết mưu, sợ tri buồn sẽ bị Duyệt theo bắt, bèn nửa ban đêm té qua đường khác, đóng Lạc-hoàn đi qua Vạn-lượng, đường sá hiểm trở, khổ cực vô cùng, quân-sĩ hết lương, phải hái trái cây trong rừng mà ăn cho đỡ đói. Thời may gặp một cây đại thọ, thấy trên nhánh chỉ đậu cả muôn con. Quân sĩ leo lên bắt ăn thịt, té ra bầy chim ấy là lá cây mới sanh, cả có hai cánh, song đầu và mình vẫn còn nhánh cây, hái ăn thì ngon ngọt dị thường. Quân sĩ đều nói lòng trung nghĩa của cụ Huỳnh-Đức làm cảm động trời, nên trời cho như vậy để khỏi chết đói. Từ đó đi dọc đường bình an vì các Man-lộ nghe danh cụ thay đều kính-phục nên đến đâu cũng cung cấp lương thực, nhờ vậy mới qua tới Liêm-ia được.

Khi cụ đến vọng-cố thì chúa Nguyễn đã trở

về Gia-dịnh rồi. Vua Xiêm nghe tài cụ, muốn lưu cụ lại mà dùng, nên kiếm thế cản trở không chịu giúp thuyền cho cụ về xứ tìm chúa. Cụ khang cự nhiệt-liệt, một lúc trong lòng tức giận quá đến nỗi đối đáp với vua Xiêm cụ mửa ra một cục máu. Vua Xiêm thấy chí khí cụ cao kiêu không thể ép được, bèn hết dãi cụ rat hậu rồi cấp thuyền đưa cụ và quân sĩ về nước.

Về đến Gia-dịnh cụ vào yết kiến chúa Nguyễn, quân thần tâu hiệp, mừng rỡ vô cùng. Chúa xét công-lao, nên phong cho cụ chức « Trung-dinh Giám-quân Khâm-sai Chương-cơ, quân trung chỉ tướng-sĩ ».

Qua mùa thu, vua hay Phan-văn-Sâm, là tướng Tây-sơn mới hàng đầu, sanh tâm bội



Mộ cụ Nguyễn-huỳnh-Đức ở Tân-an

phản nên tế tư thông cùng giặc. Vua bèn sai cụ Huỳnh-Đức dụ Sâm mà bắt đem về rồi vua giết mà ngừa hậu họa.

BIỂU-CHÁNH

(Số báo sau sẽ tiếp)

Hãy đọc và cổ - động cho Nam-kỳ Tuần báo



của KỖ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)

Dã khuya rồi, trong nhà im-lìm, mà Cang vẫn còn dật-dờ ngoài sân. **A!** Cuộc đời!... Cuộc đời là thế này!... Thấy già-dối mà không ché-hai được, biết nhớ-nhuộc mà không trừng trị được!... Khổ nạn, khổ nạn lắm!...

Đêm khuya lặng-lẽ, tiếng dế kêu rờ-rờ trong bụi, làm cho Cang càng thêm thất-thөө ruột gan. Trong trí cứ tỉnh tìm cho được một con đường ngay để bước tới, nhưng mà tìm hoài không thấy đường nào.

Đồng hồ gõ 3 giờ. Cang mệt mỏi, nên trở vào nhà đóng cửa rồi lên giường nằm nghỉ.

Sáng bữa sau, Cang mở mắt dòm ra cửa, thấy trước sân có nắng dọi, thì biết mặt trời đã lên cao rồi. Tuy vậy mà chàng cứ nằm im-lìm, lòng nghe trong nhà vắng hoe, không có tiếng nói, mà cũng không có tâm-dạng ai hết. Thình-lình chàng chợt định phải xa lánh cõi nhà này, là chỗ ngày xưa cha chàng đã chịu đau-đớn khổ-não về tâm-trí, phải xa lánh mẹ chàng, là người từ nhỏ chàng thương yêu kính trọng, mà ngày nay chàng phải trách khinh bỉ, không thể chung-chạ nữa được.

Cang ngồi dậy rồi đi-ra ngoài-rửa mặt. Chàng không thấy ai hết, mới đi thẳng ra sau vườn. Gặp ông Thu đang lum-khum nhổ cỏ, chàng bèn hỏi:

- Má tôi đi đâu mà không có trong nhà?
 - Có ba đi Thủ-dầu-một.
 - A!... Đi hồi nào?
 - Mới đi hồi sáng trời mọc.
 - Đi Thủ làm gì, sao không nói cho tôi hay vậy kia?
 - Nghe nói đi đòi tiền đòi bạc gì đó không biết.
 - Còn con Lý?
 - Con Lý đi chợ mua đồ nấu cơm cho cậu ăn.
- Cang đứng tư-lự một hồi, rồi rùn vai và trở

vào nhà, tính sửa soạn áo quần đang có đi.

Chọn bước chậm-chậm, mắt nhìn những cây trong vườn, dường như muốn ngó một lần chót để từ biệt cảnh vật mình đã quen biết suốt 20 năm trời. Chàng đi vòng ngả nhà bếp mà vô. Chờng bước lên nhà trên, chàng thấy cô Mậu ngồi tại bộ ghế giữa thì chàng chùng-hững

Bữa nay cô Mậu mặc một bộ đồ đen, màu ấy dọi nước da trắng đỏ của cô, làm cho sắc của cô xem càng thêm đẹp.

Vừa thấy Cang thì cô Mậu vội-vả đứng dậy cúi đầu chào rất hữu duyên, liếc ngó rất hữu tình và nói: « Hôm có hai mắt em hay; nhưng vì phần em không được thông-thả như người ta, nên em không xuống bãi điều được. Vậy xin anh tha lỗi cho em. Hồi sớm mới này em hay anh về. May có chút giờ thông-thả nên em lên lên đây mà thăm anh và tỏ lời chia buồn với anh ».

Cang châu mày dự-dự một chút rồi mới đáp: « Tôi rất cảm ơn cô. Mời cô ngồi ».

Cô Mậu ngồi lại. Cang đứng dựa cái ghế phía trong. Hai người không ngó nhau, mà cũng không nói chi hết.

Thấy cô Mậu tự nhiên nhớ tới thầy Cải, bởi vậy Cang không vui trong lòng, muốn cô Mậu đi về cho mau.

Cô Mậu liếc mắt dòm trong dóm ngoài không thấy ai hết, cô bèn hỏi:

- Nghe nói có hai mắt, cô về nhà cửa phố xá lại cho anh. Bây giờ anh phải xuống dưới Cholon mà ở hay là cũng ở trên này?
- Tôi không ở trên này, mà cũng không ở dưới.
- Vậy chờ anh ở dân? Anh tình đi làm việc hay sao?
- Không. Làm việc ích gì. Lối sẽ đi chơi, đi cho xa, đừng đừng thấy mặt những người quen nữa.
- Tại sao anh không muốn thấy mặt những người quen nữa?
- Vì thấy họ tôi buồn chắc phải gây họa.
- Thấy mặt em, anh cũng buồn nữa sao?

— Càng buồn hơn là thấy người khác.
Cô Mậu liếc mắt ngó Cang, rồi cô chum-
chím cười và nói :

— Được thông-thả đi chơi như anh vậy thì
vui sướng biết chừng nào. Em rất tiếc vì em
vô duyên, nên bị anh không muốn thấy mặt,
chớ nếu anh không ghét thì em xin phép mà
đi theo anh chơi.

— Cô có chồng mà cô nói cái gì vậy ? Có
quên mấy lời tôi đã dặn cô rồi sao ?

— Ô ! Chồng ! Có chồng như em mà kể làm
chi. Vì em vưng lời anh dạy, nên bữa nay
em còn ở đây, bằng không thì em đã đi xa,
hoặc đã chết mất rồi.

Cang ngó ngay cô Mậu, thấy gương mặt của
cô có nhiều nét giống thầy Cai, thì lửa giận vì
thù cha phát lên hừng-hực trong óc, không thể
dẫn được, bởi vậy chàng cùng-
cối nói : « Tôi không muốn
biết tới việc nhà của cô. Tôi
không muốn cang dự đến việc
riêng của cô. Cô đi về đi, đi về
cho mau ».

Chàng và nói và xây lưng
bỏ đi ra cửa.

Cô Mậu ngồi khóc tưng-tưng và
nói : « Nỗi thảm của em duy
có một mình anh biết mà thôi.
Nếu anh không cho em nói với
anh, thì em biết nói với ai !...
Nước sầu nào tràn-trề trong
lòng em : em cần phải khai
một cái gương nhỏ cho nó
chảy ra bớt. em sống mới
được... Anh hiểu em phải sống...
Nếu sống như một cây héo kia,
gốc khô, lá xụ, trời đã không
nhều cho một giọt mưa, mà
người cũng không tưới cho một gáo nước,
thì làm sao mà sống... Sống trong cái quang-cảnh
của em đây, có vui sướng chỗ nào đâu mà em
ham sống. Em còn nần-ná ở chốn dương trần
ấy là vì em yêu anh quá, em sợ chết rồi hết
thấy mặt anh ».



Cang đứng đứng dựa cửa ngó mông ra sân,
chàng nghe mấy lời bị ai thăm-thiết như vậy,
thì có lẽ cái tin ai truất kẻ bị khốn-khở nó nói
lên mà đè ép cái sự thù oán riêng của chàng,
bởi vậy chàng day lại mà ngó cô Mậu.

Cô Mậu ngồi than tiếp : « Bấy giờ em nghĩ lại
em mới biết em đi sai đường luôn luôn. Trước
kia em vưng lời thầy em mà ưng làm vợ bé thầy
Thêm, thì đã sai đường một lần rồi. Hôm nọ em tự
bối, em như đi phải chết, chết thoát mới khỏi
cái đời nhục-nhã ên-hạ, mà cũng khỏi mang
tiếng thất hiếu với cha ; em đại quý, em còn ôm-áp
ái-tình làm chi mà viết thơ mời anh vô vườn măng
cho giáp mặt đặng trao lời với anh rồi em chết
không được. Em làm như vậy là em đi sai đường

một lần nữa. Bấy giờ em phải làm thế nào mới
vừa lòng anh. Hôm nay em lo tính hết sức,
muốn tìm đường mà đi, song trước mắt em lờ-
mờ, em tìm không ra. Xin anh làm phúc chỉ
giùm cho em ».

Cang châu mày suy nghĩ rồi thùng-thẳng trở
vò, ngồi ngang cô Mậu, ngó ngay mặt cô mà
hỏi :

— Vì đâu mà cô chịu thãm khổ, cô biết hay
không ?

— Tại em dại, em nghe lời thầy em.

— Không phải. Nói như vậy thì không đúng.
Vì tại cô trọng chữ hiếu, hoặc tại cô muốn
cho thân cô được sung-sướng, nên trí cô mới
chịu khổ đó. Ấy vậy sự thãm khổ của cô có ý
nghĩa, chớ nào phải vô lý hay sao mà cô than
phiên... Bản mình đặng nuôi cha, cái nghĩa-cử
ấy đẹp-đẽ quá, còn nghĩa-cử
nào hơn ?

Cô Mậu trầm-ngâm một hồi
rồi cô đáp :

— Làm con phải trả thảo cho
cha mẹ. Nhưng mà mỗi việc
đều có giới-hạn, mình không
thể làm quá sức mình được.
Em nói thiệt, nếu biểu em mua
gánh bán bưng đặng nuôi cha,
thì em vui lắm, chớ nếu buộc
em phải đem thân cho người
ta khinh-khi nhục-mạ đặng
cha có chỗ ở yên, có tiền mà
xài, làm như vậy em không
thể chịu được, em phải chống
cự. Thà em chết rồi ai làm
sao tự ý.

— Chồng cô nuôi ông thân cô là vì có cô.
Nếu cô chết thì còn nghĩa gì mà nuôi nữa.

— Phải. Em cũng biết như vậy. Nhưng mà
em không thể sống nữa được. Em phải chết...

Cô Mậu lau nước mắt rồi đứng dậy. Cô tỉnh
về, nhưng mà trong lòng còn buồn-bịu, đi về
không đành, bởi vậy cô đứng dự-dự, rồi cúi
mặt mà nói rất buồn thãm : « Thôi, em từ biệt
anh lần chót... Vái trời phật cho kiếp sau rồi
em với anh sẽ gặp nhau... »

Cô Mậu đi ra cửa, mà bộ lơ-lửng như người
không hồn. Cang ngồi ngó theo, trong lòng
cảm-xúc, chịu không được, nên chừng cô Mậu
ra được nửa cái sân thì chàng kêu mà nói
« Cô Mậu, cô trở vô cho tôi hỏi một chút ».

Cô Mậu trở lại. Cô bước vô cửa thì Cang hỏi :

(Còn nữa)



NGUOI CO THAY CON
ngựa đứng đàng
kia không ?
— Thưa ngài, thấy.
— Người thấy lưng nó
chất đầy đó chăng ?
— Thấy, thấy.
— Người thấy một tên
bạn của người đang nói
chuyện với mà-phu đó chăng ?
— Thưa ngài, quả thật.
— À, người thấy, vậy tên
bạn ấy tên gì, người hãy kêu tên nó coi.
— Abdou ? Abdou !
D'Artagnan tiếp kêu ;
— Dắt con ngựa lại đây !
Planchet la tiếp ;
— Dắt con ngựa lại đây ?
D'Artagnan bèn dõ giọng bảo :
— Bấy giờ, hãy cho mà-phu mười đồng liu,
rồi người cắt bốn tên bạn đem hỗn bao tiền lên
đây, mau, nỗ lực lên coi nào !

Planchet vội-vả chạy xuống và độ chừng một
lúc thì bạn-bè vác mấy bao vàng bước lên
thang. D'Artagnan bèn đuổi chúng ó ra khỏi
phòng và đóng cửa lại, day qua nói với Planchet
mà chuyện này đến phiên Planchet vì mừng nên
muốn điên :

— Bấy giờ, đôi ta chia tiền hề !
Ngài trải một cái mền xuống đất rồi lấy bao
thứ nhất trúc tiền ra. Planchet lại trúc bao thứ
nhì. D'Artagnan lấy dao rọc bao thứ ba-

Planchet nghe tiếng bạc tiếng vàng đổ xuống,
thấy đồng vàng mới tinh-hào chiếu sáng văng
bên này, rớt bên nọ như cá nhảy khỏi lò, thấy
đồng tiền càng lúc càng cao ngập mắt cá, thì va
tối mắt, đứng quay-quần như người bị sét đánh,
rồi ngã phịch trên đồng vàng !

Planchet vì mừng quá nên chết giấc. D'Artag-
nan mới rót một ly rượu chát trắng đổ tạt vào
mặt va làm cho va tỉnh dậy.

Planchet vừa chui bộ râu cá-chốt vừa nói :
— Trời ơi ! Trời ơi ! Trời ơi !
D'Artagnan nói :

— Trong số tiền đó, một trăm ngàn liu về
phần người, hãy đem lấy đi. Ta đem phần của
ta.

— Thưa ngài, nhiều quá, tiền nhiều quá !
Nửa giờ trước, ta hơi tiếc số tiền của ta chia
cho người, nhưng bây giờ, ta không tiếc nữa,

KIẾM - HIỆP TIỂU - THUYẾT
do Thân-Văn
◆ Nguyễn-văn-Quý ◆
dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

vì ta thấy người là một đứa
bán đồ-gia-vì hảo tâm. Đem
đi, đem cho đủ, hề là anh
em thì tính đầu đó cho vương
tròn.

— Thưa ngài, xin ngài
thuật hết công chuyện lại cho
tôi nghe, có lẽ còn hay hơn
là đem tiền.

D'Artagnan vuốt râu, đáp :

— Câu chuyện hay thì
mà nếu nhà viết sử nhỏ tới
ta để hỏi thãm, thì họ sẽ có thể nói rằng đã
chẳng ừng công tìm-kiểm một nguồn tin thất-
thiệt đó. Vậy để ta thuật chuyện cho người
nghe.

— Ngài thuật đi, còn tôi đem tiền. Ngài khởi
sự đi.

XXXIX

Al dên vu', trong một căn phòng rộng-
rãi có khảm nhưng màu sậm, trên
trông có treo nhiều bức tranh tuyệt đẹp
chạy rìa vàng, người ta thấy, ngay buổi tối cái
ngày mà hai nhà hiệp-sĩ Pháp về tới Paris,
toàn cả trào-thần hội trước văn-phòng của Tê-
tông Mazarin vì hôm nay ngài tiếp rước nhà
vua và Hoàng-thái-hậu cùng Hoàng-hậu, chơi
bài.

Trong căn phòng có đặt ba cái bàn, có bình-
phong chắn ở giữa. Nhà vua, hoàng-hậu và hoàng-
thái-hậu ngồi một bàn. Vua Louis ngồi ngay
hoàng-hậu, thường ngó vợ mình cười, lộ vẻ vô
cùng hạnh-phúc. Thái-hậu cầm bài đánh với
Tê-tướng. Những lúc Hoàng-hậu không mỉm cười
với nhà vua thì day qua phụ với Thái-hậu. Tê-
tướng đau, nên nằm trên giường để gần bàn, gò
má thốn sâu, vẻ mặt mệt nhọc, nhờ bà Bá-tước
De Soissons cầm bài cho. Ngài chú-ý vào cuộc
chơi và muốn ăn.

Thời bấy giờ, các quan có cái tục dõ phần,
cho nên trước khi tiếp khách, quan Tê-tướng
bảo Berouin dõ phần cho ngài cho tơi người,
nhưng phết son ở hai bên gò má nó càng làm
lộ cái sắc mét-xanh của người bệnh hơn nữa.
Chỉ duy có cặp mắt lộ vẻ sáng-sủa hơn mà thôi.
Lâu-lâu nhà vua, thái-hậu, hoàng-hậu và quần-
thần nhìn vào cặp mắt kia, lộ vẻ lo-sợ, vì hai

con mắt Mazarin là hai vì sao chói sáng ít nhiều mà nước Pháp ở thế kỷ thứ mười bảy này nhìn vào trong đó mỗi buổi chiều và mỗi buổi mới để tìm biết cái vận-mạng của nước nhà.

Tể-tướng không ăn lại không thua cho nên không vui, không buồn. Thái-hậu là người đã sẵn có cảm-tình cùng Tể-tướng lại không muốn cho trong cuộc chơi bài mà Tể-tướng huê vốn như vậy. Song muốn làm cho Tể-tướng chủ-ý thì Thái-hậu một là đánh cho ăn, hai là đánh cho thua. Đánh cho ăn thì nguy-hiểm, bởi vì sợ Tể-tướng thua-buôn nhân mặt, khó chịu. Còn đánh cho thua, cũng nguy-hiểm vậy, vì phải ép bài cho mình, mà là n. như vậy thì Hoàng-hậu, ngồi gần một bên, xem thấy, không khỏi nói Thái-hậu vị-tình Tể-tướng.

Thừa dịp ấy, các quan hợp nhau nói chuyện. Nơi bàn thứ nhất, Hoàng-dệ Philippe là Quận-công D'Anjou đương nhìn vào gương một cái hộp để soi mặt. Hiệp-sĩ De Lorraine đứng dựa ghế Quận-công chăm-chi nghe Bà-tước De Guiche thuật những nỗi cam go khúc-mắt trong cái đời của nhà vua giáng-hồ Charles II. Bà-tước thuật, không khác những chuyện hoang-dư-ng, tất cả mấy cuộc hình-nhệ của nhà vua ở xứ Ecosse và kể luôn những lúc hải-hùng lo-sợ của ngài khi phe nghịch theo dấu ngài. Có đêm nhà vua leo lên cây mà ngủ, có ngày lăn mình vào chốn chiến-trung trong lòng đời khát. Câu chuyện nhà-vua gian-nan khổ-sở kể nghe rất thú-vị làm cho các qu. n. mê-mẩn, lại lần cuộc chơi bài, cho đến đôi tại bàn của Thái-hậu, vua Louis ngồi lo ra, tuy làm tuồng như không để ý tới, song lòng tai nghe không sót một điều.

Bà Bà-tước de Soissons chân ngang hỏi: — Câu chuyện của ngài thuật đó, chắc là ngài có thêm-dét thêm, phải vậy không, xin ngài thú-thật?

— Thừa bà, tôi cũng như một cou két, những chuyện của người Anh kể cho tôi nghe làm sao, thì tôi thuật y lại như vậy, không sai một mảy.

— Nếu vua Charles II chịu những nỗi khổ đó thì ngài đã thắng-hà rồi.

Vua Louis ngược lên, gương mặt sáng-rỡ, nói chần-rãi như một đứa trẻ nhút-nhút:

— Phu-nhân hỏi lại lẽ-tướng thì rõ; lúc trăm còn th. v. ở Pháp này việc nước cũng rối như to-vò... lúc bấy giờ nếu trăm đã lớn và nếu phải buộc lòng rút thanh bữu-kiếm cầm tay thì một đời chỉ để nhắc chừng cho người ta dựa còm chiều cho trăm dùng mà thôi, chứ không phải để xông pha trận-mạc.

Tể-tướng lại nói: — Lay trở, b. h. nói như vậy cũng có hơi quá, bởi vì không có bao giờ thần để cho b. h. đời như vậy.

Nhà vua nghe nói đỏ mặt. Hoàng-dệ Philippe nói, mà không hết sảm-soi trong kiến:

— Tôi còn nhớ một buổi n. ở Melun, buổi còm chiều không có dọn lên cho Hoàng-huynh dâng, làm cho Hoàng-huynh đói bụng, b. h. một

miếng bánh mì ăn hai phần và cho em một phần. Mazarin mỉm cười. Các quan cũng cười. Người la n. vua thì thờng hay đem những cái khổ về buổi trước mà nhắc lại, hay là to-vé cái hy-vọng về sự-nghiệp ở buổi trong-lai.

Thái-hậu nói: — Việc nước ở Pháp dần có rối, nhưng ngôi vua cũng vẫn vững bền, chứ không phải như vua Anh mà mất ngôi, và khi nào thành-cờ ngôi vua Pháp hững rung-rinh, vì đất còn đông thay hưởng chỉ là ngôi vua, hoặc chư-hầu m. loạn, thì binh-tráo đủ sức chiến thắng để gây đượ lại cuộc thái-bì th.

Mazarin nói: — Đã thái-bì th, lại ngôi vua càng thêm vững-đặt.

(Còn tiếp)

KỶ-NIỆM chua xót và êm đềm của một nhà danh-sĩ

(Tiếp theo trang 6)

một bãi biển, tỉnh cô Anatole France lại gặp giai-nhân. Hai người nhìn nhau, nhận được chỗ quen biết cũ. Anatole France bấy giờ đã là một danh-nhân, không còn như một thiếu-niên cả thẹn, nhúc-nhác trước kia. Để gọi câu chuyện cũ, ngài nói:

— Thừa bà, thuở ấy bà đẹp vô cùng, khiến ai cũng yêu ngấm.

Người đàn-bà không ngần-ngại, mỉm cười đáp lời:

— Thật quả vậy. Bấy giờ tôi dám nói như thế vì tôi đã già rồi; trước kia, tôi làm đẹp mắt mọi người. Kỷ-niệm ấy an-ủi tôi trên đường đi đến tuổi tàn-niên. Lúc trước, tôi là đối-tượng của bao lòng thành-kính.

Nhưng tôi sẽ làm ông ngạc nhiên nếu tôi thuật lại với ông ai đã làm tôi cảm-động hơn hết trong những người tôn thờ yêu kính tôi.

Anatole France chần-rãi nói:

— Tôi rất sung-sướng được biết người ấy.

— Thừa ông, tôi sẽ nói tên người ấy. Một buổi chiều kia (cách đây đã lâu lắm rồi), có một thiếu-niên học-sanh nhìn tôi, như mặt tôi, rồi người ấy hỏi rồi, đến nỗi phải đ. p. lại một câu hỏi của tôi bằng ba tiếng «vâng, thưa ông!» Không có triệu-chức gì nào tỏ lòng yêu kính tôi sâu xa đậm-dà bằng ba tiếng «vâng, thưa ông!» của người thiếu-niên ấy, với cái đ. đ. ư. ư. của chàng!

TRƯỜNG-SƠN-CHÍ (Thuật)

LƯỢC DỊCH

Án Phòng Pháp-Án Đông-Pháp ngày 24 Juin 1943 đã bắt đơn kháng án của tội-nhơn.

TOÀ PHỨC ÁN SAIGON

Trích-lục án Toà Phức-Án về việc tiêu-hình.

Chiếu theo đơn của quan Chương-lý Saigon đ. đ. đ. án Tòa tiêu-hình Phan-thiết lên ngày 2 Janvier 1942 đã xét tên HỒ-TAM, 68 tuổi, sanh và cư-ngụ tại Phú-hải (Bình-thuận).

Toà Phức-Án Saigon (Phòng xử về việc tiêu-hình) đã lên án hiện diện cuối cùng ngày 7 Avril 1942 xét tên ấy SẮC NGÀY Û TREO và một ngàn năm trăm quan tiền và về tội trốn nước mướm giá và xử phải trả tiền tụng lệ là 6531.

Án ấy dạy phải án-hành bốn trích-lục trong một tờ báo quốc-pồn xuất bản tại Nam-kỳ tại Trung-kỳ tùy quyền quan Chương-lý lựa chọn, số phí về phần tội-nhơn phải trả, s. ng. giá tiền mỗi lần án-hành không được trên 30 \$ 00 và xử phải dán bốn trích-lục trong một tuần lễ tại nhà làng Phú-hải (Bình-Thuận) và ở cửa tiệm nhà tại nhơn.

Giới hạn giam giữ định theo cách tội-chiếu.

Trích-lục y theo bản chánh án đăng đề lên cho quan Chương-lý.

Thay mặt quan Lục-sự Tòa Phức-Án. Ký tên: G. MICHEL (có con dấu)

Thi-hành theo lời thỉnh-cầu của quan Chương-lý.

Quan Đại Luật-sư. Ký tên: M. LEGER. (có con dấu)

Lược dịch y theo bản trích-lục án. Thông-ngôn hữu thể:

UNG-VAN-THANH.

Chứng dấu ký tên trên đây của M. Ung-vân-Thanh, thông-ngôn hữu thể về tiếng annam tại Tòa án Saigon.

Saigon, le 2 Septembre 1943. Quan Đầu Phòng Dịch Văn-Tự.

VÔ-PHẠM JEAN.

KẾT QUẢ CUỘC THI TIÊU-THUYẾT QUỐC-VĂN

Cuộc thi để chọn tác-phẩm hay viết vãng Quốc-văn do sở Thông-Tin, Tuyên-Truyền và Báo-chí tổ chức, chiếu theo nghị-định quan Thống đốc Namkỳ ngày 15 Avril 1942 đã kết liễu.

Trong số 29 tác-phẩm gửi đến dự thi, ba tác-phẩm sau này được chấm thưởng:

- CHIẾN-ĐẤU. 68 điểm 4
- LÔNG HẢO NGHĨA 65 " } đồng điểm
- BẠN TÔI. 65 " }

Theo ý Ủy-ban xem xét bài thí, phần thưởng hạng nhất 1000 \$ 00 để dành lại, chẳng phát cho ai.

Vậy nên ba tác-phẩm chấm đầu sẽ được thưởng như sau này:

A) Phần thưởng hạng nhì 500 \$ 00 tặng cho M. Nguyễn-hữu-Phước ở làng Phú-cường (Thủ-dầu-một) viết quyển « Chiến-đấu ».

B) Phần thưởng hạng ba 200 \$ 00 tặng cho M. Hồ-văn-Mạnh, Thơ toán Soái phủ Namkỳ, từng sự tại Tòa-bổ Rachgiá, viết quyển « Long Hảo Nghĩa ».

C) Cũng phần hạng ba 200 \$ 00 tặng cho M. Huỳnh-văn-Tân dit Thủy-Nhân, giáo viên, từng sự trong quận Cai-lậy (Mỹtho) viết quyển « Bạn Tôi »

Tác-giả nào không được chấm thưởng, xin lại sở Tuyên-Truyền, 128, đường Mac-Mahon, mà lấy tác-phẩm của mình lại.

GIÁ BÁO

| | |
|-------------------|----------|
| 1 năm | 13 \$ 00 |
| 6 tháng | 7 00 |
| Mỗi số | 0 25 |

D. V. T. C.

| | |
|-------------------|---------|
| 1 năm | 9 \$ 00 |
| 6 tháng | 5 00 |

Mua cả hai thứ một năm 20 \$. Mua báo chí phải trả tiền trước. Mandat để cho Quản-lý: Hồ-văn Kỳ-Trần